

Số: **34** /2018/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày **21** tháng **9** năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 và Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;*

*Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH, ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số*



lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Thực hiện Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa VIII Quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1589/TTr-SNV ngày 12 tháng 9 năm 2018.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 và Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Sửa đổi Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về số lượng người đảm nhận các chức danh ở thôn, ấp, khu phố, như sau:

“2. Các chức danh không chuyên trách được bố trí ở thôn, ấp, khu phố không quá 03 (ba) người.

Các chức danh khác: mỗi thôn, ấp, khu phố được bố trí từ 01 đến 02 chức danh Công an viên; 01 chức danh phụ trách Quân sự (gọi là Thôn đội trưởng); 01 chức danh phụ trách Mặt trận và các đoàn thể thôn, ấp, khu phố.

Tổng số các chức danh trên không vượt quá 07 người”.

2. Bổ sung Khoản 1b sau Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, như sau:

“1b. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã đề đến năm 2020 giảm 50% số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã”.

3. Sửa đổi điểm r Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với chức danh Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, như sau:

“r) Chức danh Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: Mỗi đơn vị hành chính cấp xã được bố trí 01(một) Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự; cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh được bố trí 02 (hai) Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự”.

4. Sửa đổi Khoản 2 Điều 5 về chức danh ở thôn, ấp, khu phố như sau:

“ 2. Ở thôn, ấp, khu phố: Bố trí 03 chức danh những người hoạt động không chuyên trách.

- Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố;
- Trưởng thôn, ấp, khu phố;
- Phó Trưởng thôn, ấp, khu phố.

\* Ngoài các chức danh quy định trên, ở thôn, ấp, khu phố được bố trí:

- 01 (một) chức danh Công an viên thôn, ấp, khu phố; Đối với thôn, ấp, khu phố thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 02 (hai) Công an viên.

- Thôn, ấp, khu phố (loại 1 và loại 2) được bố trí 01 (một) chức danh phụ trách Quân sự gọi là Thôn đội trưởng.

- 01 chức danh phụ trách Mặt trận và các đoàn thể thôn, ấp, khu phố”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố như sau:



“1. Khoản kinh phí chi phụ cấp (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế) để chi trả hàng tháng cho các chức danh không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và chức danh phụ trách Mặt trận và các đoàn thể ở thôn, ấp, khu phố như sau:

a) Khoản kinh phí chi phụ cấp bằng 5,0 tháng lương cơ sở cho các thôn, ấp thuộc các xã loại 1 và xã loại 2.

b) Đối với các thôn, ấp ngoài quy định trên và các khu phố được khoản kinh phí chi phụ cấp bằng 3,0 tháng lương cơ sở.

2. Mức phụ cấp của từng chức danh không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và chức danh phụ trách Mặt trận và các đoàn thể ở thôn, ấp, khu phố như sau:

Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và chức danh phụ trách Mặt trận và các đoàn thể ở thôn, ấp, khu phố được xếp mức phụ cấp theo phân loại thôn, ấp, khu phố, như sau:

a) Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố; Trưởng thôn, ấp, khu phố loại 1 và Trưởng thôn, ấp loại 3 (thôn, ấp loại 3 là những thôn, ấp đặc biệt không thể sáp nhập vào thôn, ấp khác được, chỉ bố trí một chức danh Trưởng thôn, ấp) xếp hệ số phụ cấp hàng tháng bằng 0,86 mức lương cơ sở.

b) Trưởng thôn, ấp, khu phố loại 2 xếp hệ số phụ cấp hàng tháng bằng 0,8 mức lương cơ sở.

c) Đối với thôn, ấp, khu phố loại 1, các chức danh: Phó thôn, ấp, khu phố; chức danh phụ trách Mặt trận và các đoàn thể thôn, ấp, khu phố xếp hệ số phụ cấp hàng tháng bằng 0,7 mức lương cơ sở.

d) Đối với thôn, ấp, khu phố loại 2, các chức danh: Phó thôn, ấp, khu phố; chức danh phụ trách Mặt trận và các đoàn thể thôn, ấp, khu phố xếp hệ số phụ cấp hàng tháng bằng 0,6 mức lương cơ sở”.

6. Sửa đổi Điều 8 Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm, như sau:

“1. Đối với các chức danh cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã hoặc những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm một trong các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà ở cấp xã giảm đi được 01 chức danh không chuyên trách thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 30% mức phụ cấp của chức danh không chuyên trách mà cán bộ, công chức hoặc những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm. Trường hợp một người kiêm nhiệm nhiều chức danh khác nhau thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

2. Đối với cán bộ, công chức cấp xã, các chức danh không chuyên trách ở cấp xã; các chức danh ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác kiêm nhiệm một trong các chức danh ở thôn, ấp, khu phố thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm đảm nhận. Trường hợp một người kiêm nhiệm nhiều chức danh khác nhau thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

3. Mỗi xã, phường, thị trấn được bố trí 01 (một) chức danh công chức cấp xã kiêm nhiệm công tác thi đua khen thưởng, được hưởng hệ số phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng bằng 0,5 mức lương cơ sở”.

Kinh phí thực hiện phụ cấp kiêm nhiệm nêu trên thuộc các chức danh ở thôn, ấp, khu phố nằm trong mức khoán kinh phí chi phụ cấp cho các chức danh không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố”.

7. Sửa đổi điểm b Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về hỗ trợ phụ cấp thôi việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố như sau:

“b) Các chức danh ở thôn, ấp, khu phố công tác liên tục trong thời gian từ ngày thành lập tỉnh Bình Phước 01/01/1997 trở đi, khi nghỉ việc được trợ cấp thôi việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng một tháng mức phụ cấp của chức danh đang đảm nhận”.

**Điều 2. Bãi bỏ một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Bãi bỏ Điều 11 quy định về những người dự bị làm cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh.

2. Bãi bỏ Điều 15 quy định về chức danh Mặt trận thôn, ấp, khu phố.

3. Bãi bỏ Điều 16 quy định về chức danh các Chi hội đoàn thể: Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Chữ thập đỏ và Người cao tuổi ở thôn, ấp, khu phố.

**Điều 3. Bãi bỏ Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về số lượng, chức danh chế độ, chính sách, quản lý đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thôn, ấp, khu phố; việc phân loại thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Lý do: Đã được quy định tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Các nội dung không được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thì vẫn thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra các huyện, thị xã; các xã, phường, thị trấn thực hiện theo đúng nội dung Quyết định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét giải quyết.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018./.

#### **Nơi nhận:**

- VPCP;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP, Phòng NC;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT.(T04) <sub>AA</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Trâm*